

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (“Ngân hàng”) được trình bày từ trang 05 đến trang 63, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Ngân hàng và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Thùy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0893-2013-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2014

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

	<i>Thuyết minh</i>	30/06/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý		311.813.558.492	294.799.238.485
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		105.795.453.383	226.461.114.920
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác		1.799.018.900.809	5.855.657.092.577
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		831.580.117.475	4.709.214.236.243
Cho vay các TCTD khác		1.129.334.200.000	1.330.160.800.000
Dự phòng rủi ro các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		(161.895.416.666)	(183.717.943.666)
Chứng khoán kinh doanh		173.437.140.816	174.361.159.453
Chứng khoán kinh doanh		210.291.800.663	212.816.649.813
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(36.854.659.847)	(38.455.490.360)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		25.481.290.817	7.965.500.225
Cho vay khách hàng		13.641.668.012.536	11.809.048.776.524
Cho vay khách hàng		13.817.393.811.381	11.925.991.430.338
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(175.725.798.845)	(116.942.653.814)
Chứng khoán đầu tư		12.475.619.751.983	12.183.871.217.431
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		12.015.035.311.625	11.776.267.873.922
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		555.677.445.720	437.603.343.509
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(95.093.005.362)	(30.000.000.000)
Góp vốn, đầu tư dài hạn		9.435.959.317	10.000.000.000
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
Đầu tư dài hạn khác		10.000.000.000	10.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(564.040.683)	-
Tài sản cố định		64.512.090.014	68.365.474.042
Tài sản cố định hữu hình		49.725.766.315	55.109.714.333
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>		129.701.161.638	127.687.896.827
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>		(79.975.395.323)	(72.578.182.494)
Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>		-	-
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>		-	-
Tài sản cố định vô hình		14.786.323.699	13.255.759.709
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>		51.748.227.846	47.340.203.328
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>		(36.961.904.147)	(34.084.443.619)
Tài sản có khác		1.953.621.023.785	1.457.509.243.290
Các khoản phải thu		1.227.560.169.272	1.307.300.483.743
Các khoản lãi, phí phải thu		563.078.340.766	526.497.387.671
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
Tài sản Có khác		1.079.948.474.367	595.168.758.187
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(916.965.960.620)	(971.457.386.311)
TỔNG TÀI SẢN		30.560.403.181.952	32.088.038.816.947

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

<i>Thuyết minh</i>	<i>30/06/2014</i> VNĐ	<i>31/12/2013</i> VNĐ
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	280.191.559.761	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	8.464.218.491.421	11.393.516.645.604
Tiền gửi của các TCTD khác	2.991.616.991.421	6.678.191.105.604
Vay các TCTD khác	5.472.601.500.000	4.715.325.540.000
Tiền gửi của khách hàng	15.601.471.485.181	14.331.681.384.239
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	-	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	1.818.690.000.000	2.341.440.000.000
Các khoản nợ khác	426.372.295.438	320.730.394.833
Các khoản lãi, phí phải trả	345.787.347.910	234.940.889.017
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	80.584.947.528	77.565.018.359
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn	-	8.224.487.457
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	26.590.943.831.801	28.387.368.424.676
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn và các quỹ		
Vốn	4.527.197.780.000	4.527.197.780.000
Vốn điều lệ	5.550.000.000.000	5.550.000.000.000
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	(1.019.998.660.000)	(1.019.998.660.000)
Cổ phiếu quỹ	(2.803.560.000)	(2.803.560.000)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	-	-
Vốn khác	-	-
Các quỹ dự trữ	42.132.785.732	42.132.785.732
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.295.094.649	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	(609.166.310.230)	(868.660.173.461)
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.969.459.350.151	3.700.670.392.271
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU	30.560.403.181.952	32.088.038.816.947

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Thuyết minh</i>	30/06/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Bảo lãnh vay vốn		-	-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		188.659.946.569	120.605.374.535
Bảo lãnh khác		1.075.169.625.941	902.126.385.232
Các cam kết đưa ra			
Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	-
Cam kết khác		700.000.000.000	2.490.000.000.000
		1.963.829.572.510	3.512.731.759.767

Người lập:

Bà Ngô Thị Ánh Tuyết
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

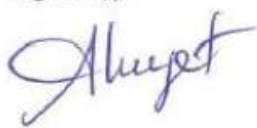
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2014

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến	Từ 01/01/2013 đến
	30/06/2014	30/06/2013
	VNĐ	trình bày lại VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.104.226.978.121	695.936.001.148
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(652.763.716.967)	(485.779.700.154)
Thu nhập lãi thuần	451.463.261.154	210.156.300.994
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	19.980.519.700	10.924.463.062
Chi phí hoạt động dịch vụ	(8.970.002.471)	(5.719.635.345)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	11.010.517.229	5.204.827.717
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	18.880.909.781	4.380.961.757
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	2.323.220.189	9.800.368.856
Lãi/ (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	66.726.869.762	(4.984.149.801)
Thu nhập từ hoạt động khác	75.048.167.159	149.064.255.915
Chi phí hoạt động khác	(7.842.201.541)	(4.845.338.405)
Lãi thuần từ hoạt động khác	67.205.965.618	144.218.917.510
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	22.000	3.213.670.130
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	617.610.765.733	371.990.897.163
Chi phí tiền lương	(112.035.709.499)	(74.788.817.555)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	(12.153.661.696)	(14.779.919.731)
Chi phí hoạt động khác	(130.017.404.336)	(89.762.735.564)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(254.206.775.531)	(179.331.472.850)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	363.403.990.202	192.659.424.313
Chi phí DPRR cho các khoản cho vay khách hàng	(68.864.136.066)	(19.939.385.695)
(Chi phí)/ Hoàn nhập DPRR cho vay các tổ chức tín dụng	21.822.527.000	(3.675.606.000)
Chi phí dự phòng cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	(65.093.005.362)	-
(Chi phí)/ Hoàn nhập DPRR cho các cam kết ngoại bảng	8.224.487.457	(1.118.648.572)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	259.493.863.231	167.925.784.046
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN	-	-
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	259.493.863.231	167.925.784.046
Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	468	303

Người lập:



Bà Ngô Thị Ánh Tuyết
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2014

